

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 24-9-2018
V/v tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Thúy Hằng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Kiệt** ;
2. Ông **Nguyễn Văn Kiệt**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lý Văn Toán** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 24 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 128/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2018/QĐXX-ST ngày 12 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị G**, sinh năm 1985 (Có mặt)

Địa chỉ : ấp T, xã G, huyện Ch, tỉnh K.

Bị đơn: Anh **Lê Thanh V**, sinh năm 1986 (Vắng mặt)

Địa chỉ : ấp H , xã Th, huyện Ch, tỉnh K.

(Anh V có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 18-4-2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị G trình bày: Tôi và anh Lê Thanh V cưới nhau vào năm 2004, trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật

Trong quá trình chung sống những năm đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng thời gian về sau này thường xảy ra mâu thuẫn, và bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống hàng ngày, vợ chồng không hợp nhau, từ đó dẫn đến tình

cảm vợ chồng rạn nứt, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, tuy bản thân tôi rất muốn duy trì cuộc hôn nhân này. Nhưng cố gắng không thành nếu cứ duy trì mãi chỉ gây mâu thuẫn kéo dài, vì vậy mà tôi và anh V đã sống ly thân với nhau từ năm 2014 cho đến nay.

Nhận thấy tình nghĩa vợ chồng giữa tôi và anh Việt không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục xây dựng gia đình hạnh phúc, nên tôi quyết định ly hôn với anh Lê Thanh V.

Quá trình chung sống chúng tôi có chung với nhau 02 con chung tên : Lê Văn Liên S, sinh ngày 26-8-2005 và Lê Minh Đ, sinh ngày 28-02-2011, từ khi vợ chồng sống ly thân với nhau cho đến nay 02 con do tôi nuôi dưỡng.

Về tài sản chung : chúng tôi không tạo dựng được tài sản gì chung

Về nợ chung : không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị G có *yêu cầu*:

- Về hôn nhân : Xin được ly hôn với anh Lê Thanh V

- Về con chung : Xin được tiếp tục nuôi con tên : Lê Văn Liên S, sinh ngày 26-8-2003 và Lê Minh Đ, sinh ngày 28-02-2011, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung : Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại bản tự khai ngày 02 tháng 8 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lê Thanh V trình bày*: Anh Việt thống nhất với lời trình bày của chị G về quan hệ hôn nhân cũng như mâu thuẫn, về thời gian sống ly thân, về con chung, về tài sản chung và nợ chung không có là đúng.

Tại phiên tòa hôm nay anh Lê Thanh V vắng mặt nhưng tại bản tự khai ngày 02-8-2018 (bút lục: 21), Biên bản hòa giải ngày 02-8-2018 (bút lục: 29,30,31,32) và đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 12-9-2018 (bút lục: 37), anh V có yêu cầu:

- Về hôn nhân: Không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ con.

- Về con chung: Đồng ý giao 02 con chung Lê Văn Liên S, sinh ngày 26-8-2005 và Lê Minh Đ, sinh ngày 28-02-2011 cho vợ tiếp tục nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh V xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh V xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị G có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Ch, tỉnh K giải quyết vụ kiện tranh chấp xin ly hôn giữa chị và anh Lê Thanh V. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện.

Anh Lê Thanh V có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt, tại phiên tòa nguyên đơn thống nhất xử vắng mặt bị đơn - Do đó yêu cầu của anh V là có căn cứ để chấp nhận và Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt anh Lê Thanh V là hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị G và anh Lê Thanh V đều xác nhận anh chị chung sống với nhau từ năm 2004, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống anh chị sống hạnh phúc với nhau được một thời gian, sau đó đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn: Nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi dẫn đến xô xát đánh nhau nhiều lần và chị G đã bỏ nhà ra đi, sau đó vợ chồng hàn gắn chung sống lại với nhau được khoảng 02 tháng thì lại tiếp tục xảy ra mâu thuẫn và anh chị đã sống ly thân với nhau từ năm 2014 cho đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ chung sống giữa chị G và anh V sống với nhau từ năm 2004, nhưng không đăng ký kết hôn nên giữa chị G và anh V không phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. Bởi theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: ***“ 1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”***.

Do đó, mối quan hệ giữa chị G và anh Việt không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

[3] Về quan hệ con chung: Chị G và anh Việt đều xác nhận, trong thời gian chung sống giữa anh chị có với nhau 02 con chung tên : Lê Văn Liên S, sinh ngày 26-8-2005 và Lê

Minh Đ, sinh ngày 28-02-2011, từ khi vợ chồng sống ly thân với nhau cho đến nay 02 con do tôi nuôi dưỡng. Tại phiên hòa giải ngày 02-8-2018 chị G và anh V đã thỏa thuận, giao 02 con cho chị G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng (Phù hợp theo nguyện vọng của cháu S và cháu Đ được Tòa án lập biên bản ghi nhận ý kiến con chưa thành niên ngày 02-8-2018) và anh V không phải cấp dưỡng nuôi con - Do đó, HĐXX ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận này của các đương sự là hoàn toàn phù hợp với pháp luật.

[4] Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, HĐXX đã giải thích cho chị G về quyền yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi cháu S và cháu Đ cho đến khi đủ 18 tuổi theo mức quy định pháp luật nhưng chị G xác định không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Căn cứ vào lời khai của chị G và anh V trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị G và anh V đều xác nhận trong quá trình chung sống anh chị không có tạo lập được tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét, nếu sau này anh chị có tranh chấp và có yêu cầu Tòa án giải quyết thì sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị G và anh V đều xác nhận anh chị không có nợ ai và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị G là nguyên đơn do đó phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, 15, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị G và anh Lê Thanh V.

2. Về nuôi con chung: Ghi nhận sự nguyện thoả thuận giữa chị Nguyễn Thị G và anh Lê Thanh V thống nhất giao 02 con chung tên : Lê Văn Liên S, sinh ngày 26-8-2005 và Lê Minh Đ, sinh ngày 28-02-2011 cho chị G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng (Phù hợp theo nguyện vọng của cháu S và cháu Đ được Tòa án lập biên bản ghi nhận ý kiến con chưa thành niên ngày 02-8-2018). Chị G không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lê Thanh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị G và anh Lê Thanh V đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị G và anh Lê Thanh V đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí :Chị Nguyễn Thị G phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số: 0003682, ngày 19-4-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ch, tỉnh K.

“ Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

6. Chị G có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh V vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang
- Viện kiểm sát huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẦN PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thúy Hằng

